

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN TỰ DO TÔN GIÁO TRONG HIẾN PHÁP NĂM 2013

NGUYỄN THỊ THẢO

Học viên cao học, K30 đợt 2 Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, Trường Đại học Luật Hà Nội
Graduate student, Cohort 30 (2nd Intake), Constitutional Law and Administrative Law Program,
Hanoi Law University
Email: thaohee0702@gmail.com

Tóm tắt

Quyền tự do tôn giáo là một trong những quyền con người cơ bản được ghi nhận và bảo đảm thực hiện bằng Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bài viết phân tích và đánh giá nội dung quyền tự do tôn giáo theo quy định của Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về quyền tự do tôn giáo của công dân trong Hiến pháp.

Từ khóa: quyền con người, tôn giáo, tự do tôn giáo, Hiến pháp, Việt Nam

Abstract

Freedom of religion is one of the fundamental human rights recognized and guaranteed by the 2013 Constitution of the Socialist Republic of Vietnam. This article will analyze and evaluate the content of freedom of religion as stipulated in Vietnam's 2013 Constitution, thereby proposing some solutions to improve the regulations on citizens' religious freedom in the Constitution.

Keywords: human rights, religion, religious freedom, Constitution, Vietnam

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.269>

Ngày nhận bài: 28/03/2025

Ngày duyệt đăng: 25/05/2025

Quyền con người bao gồm rất nhiều khía cạnh,¹ trong đó có khía cạnh liên quan đến tự do tôn giáo.² Quyền tự do tôn giáo được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (*Universal Declaration of Human Rights*, UDHR) năm 1948,³ Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (*International Covenant on Civil and political rights*, ICCPR) năm 1966.⁴ Tôn trọng và bảo vệ nhân quyền là một chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam.⁵

1 Usanee Aimsiranun, “Challenges Concerning New Generation FTAs’ Labour Provisions: Perspective from Thailand”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 6(01), 2022, tr. 75-93, <https://doi.org/10.2478/vjls-2022-0004>

2 Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2022; Ban Tuyên giáo Trung ương, *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2017.

3 Điều 18 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền năm 1948.

4 Điều 18 Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị năm 1966.

5 Nguyễn Ngọc Hồi, “Bảo đảm và thúc đẩy quyền con người là chủ trương nhất quán của Việt Nam”, *Tạp chí Quốc phòng Toàn dân*, 2023, <https://tapchiquptd.vn/vi/phong-chong-dbbh-bao-ve-vung-chac-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/bao-dam-va-thuc-day-quyen-quoc-nguoi-la-chu-truong-nhat-quan-cua-viet-nam/21167.html>, truy cập ngày 19/12/2024; Vũ Công Giao, Lê Thị Thủy Hương, “Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật nhân quyền quốc tế và trong pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, 2016, https://tcnn.vn/news/detail/33814/Quy-en_tu_do_tin-ngu-ong_ton_giao_theo_luat_nhan-quyen-quoc-te_va_trong_phap_luat_Viet_Namall.html, truy cập ngày 19/12/2024; Le Truong Son and Nguyen Xuan Quang, “Fault is not a condition for determination of liability for non-contractual damage - A development in human rights protection in Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 8(01), 2023, tr. 99-109, <https://doi.org/10.2478/vjls-2023-0005>

Trong đó, quyền tự do tôn giáo không chỉ là một quyền hiến định mà còn phản ánh truyền thống hòa hợp tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc ở Việt Nam. Hiến pháp năm 2013, với tư cách là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tiếp tục khẳng định và mở rộng các quy định về quyền con người, trong đó có quyền tự do tôn giáo. So với các bản Hiến pháp trước đây, quy định của Hiến pháp năm 2013 thể hiện bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo, nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền này.⁶

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, với sự hiện diện của nhiều tổ chức, giáo phái khác nhau. Việc hoàn thiện pháp luật sẽ giúp tạo ra một môi trường pháp lý bình đẳng, trong đó mọi cá nhân, tổ chức tôn giáo đều được bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Đồng thời, việc hoàn thiện các quy định về quyền tự do tôn giáo trong Hiến pháp năm 2013 nhằm bảo đảm tốt hơn quyền của công dân, góp phần xây dựng một môi trường pháp lý hài hòa, phù hợp với xu hướng tiến bộ của pháp luật quốc tế, nhưng không để những cá nhân, tổ chức lợi dụng danh nghĩa tôn giáo để tuyên truyền tư tưởng cực đoan, chống phá Nhà nước hoặc gây chia rẽ trong cộng đồng... Do đó, vấn đề được nghiên cứu có tính cấp thiết cao, trong bối cảnh tăng cường hợp tác quốc tế⁷ và tiến trình xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, người dân được thụ hưởng các quyền con người cơ bản.

1. Nội dung quyền tự do tôn giáo theo Hiến pháp năm 2013

Quyền tự do tôn giáo được ghi nhận tại Điều 24 của Hiến pháp năm 2013. Nội dung của điều luật bao gồm ba khoản, mỗi khoản thể hiện một khía cạnh quan trọng của quyền tự do tôn giáo, đồng thời cho thấy sự cân bằng giữa quyền cá nhân và trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý xã hội. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, mọi người có quyền tự do tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.⁸

Quy định trên khẳng định quyền tự do tôn giáo là một quyền cơ bản của con người, thể hiện qua việc cá nhân có quyền lựa chọn hoặc không lựa chọn tôn giáo, thực hành tín ngưỡng và tham gia sinh hoạt tôn giáo phù hợp

6 Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2016. Ví dụ: Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục khẳng định mạnh mẽ quyền tự do tôn giáo như một quyền cơ bản của con người, không chỉ dành riêng cho công dân Việt Nam mà còn mở rộng áp dụng cho mọi cá nhân, bao gồm cả người nước ngoài, người không quốc tịch và cả tù nhân. (Xem thêm các quy định tại Điều 1 Hiến pháp năm 1946; Điều 26 Hiến pháp năm 1959; Điều 68 Hiến pháp năm 1980; Điều 70 Hiến pháp năm 1992).

7 Delcher Émillie, "European Union - Asean security and human rights cooperation in the face of recent geopolitical upheavals", *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 12(3), 2024, tr. 44-61, <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0019>

8 Khoản 1 Điều 24 Hiến pháp năm 2013.

với niềm tin của mình. Đồng thời, quy định đề cao nguyên tắc bình đẳng giữa các tôn giáo trước pháp luật, bảo đảm mọi tôn giáo đều được đối xử công bằng, không phân biệt hay ưu tiên, miễn là tuân thủ pháp luật. Nguyên tắc này không đòi hỏi sự đồng nhất về quyền lợi hay nghĩa vụ, mà nhấn mạnh sự áp dụng pháp luật một cách công bằng. Về lý luận và pháp lý, quy định này phù hợp với các điều ước quốc tế như UDHR và ICCPR, thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tôn giáo,⁹ không can thiệp tùy tiện vào việc cá nhân lựa chọn và thực hành tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là nguyên tắc mang tính thụ động, đòi hỏi Nhà nước không được áp đặt hay hạn chế niềm tin tôn giáo, cũng như không được thiên vị bất kỳ tôn giáo nào. Cá nhân phải được tự do thực hiện hoặc không thực hiện các nghi lễ tôn giáo mà không chịu kỳ thị hay áp lực.

Bên cạnh đó, nghĩa vụ bảo hộ thể hiện vai trò chủ động của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tôn giáo được thực thi hiệu quả. Điều này đòi hỏi Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi nhằm bảo vệ cá nhân trước mọi hành vi xâm phạm quyền tự do tôn giáo.

Việc bảo hộ quyền tự do tôn giáo còn bao gồm trách nhiệm của Nhà nước trong việc xử lý các hành vi vi phạm, chẳng hạn như kỳ thị tôn giáo, lợi dụng tôn giáo để kích động bạo lực hoặc cản trở người khác thực hành tín ngưỡng. Đối với những người có hành vi xúc phạm tôn giáo trước hết có thể bị xử phạt vi phạm hành chính,¹⁰ và khi gây ra hậu quả nghiêm trọng hơn có thể là sự truy cứu trách nhiệm hình sự như trường hợp “Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác”¹¹ hoặc “Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.¹² Bên cạnh đó, nghĩa vụ bảo hộ còn đòi hỏi Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân và cộng đồng thực hiện các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật. Các biện pháp này bao gồm việc cấp phép cho các tổ chức tôn giáo, bảo vệ các địa điểm thờ tự, hỗ trợ tổ chức các sự kiện tín ngưỡng, và bảo đảm rằng các quyền tôn giáo không bị giới hạn bởi các rào cản hành chính hoặc pháp lý không hợp lý.

Thứ ba, không ai được xâm phạm tự do tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật.¹³

Việc khẳng định “không ai được xâm phạm tự do tôn giáo” nhấn mạnh

⁹ Khoản 2 Điều 24 Hiến pháp năm 2013.

¹⁰ Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 37 Điều 1 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội; trang thông tin điện tử được thiết lập thông qua mạng xã hội: “Người có hành vi xúc phạm tôn giáo có thể phải đối diện với mức phạt tiền khá nặng, từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng.”

¹¹ Điều 164 Bộ luật Hình sự năm 2015.

¹² Điều 331 Bộ luật Hình sự năm 2015.

¹³ Khoản 3 Điều 24 Hiến pháp năm 2013.

ràng quyền tự do tôn giáo là một quyền hiến định được pháp luật bảo vệ trước các hành vi xâm hại từ bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Bên cạnh việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo, quy định cũng đặt ra một giới hạn pháp lý khi cấm “lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”. Điều 5 của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 cũng quy định các hoạt động tôn giáo bị nghiêm cấm, trong đó có các hành vi: xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo... Như vậy, quyền tự do tôn giáo không phải là một quyền tuyệt đối, mà phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và không làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội, phải gắn liền đạo đức tôn giáo với việc phát huy những giá trị tốt đẹp trong văn hóa dân tộc và ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế.

2. Những ưu điểm, hạn chế của quy định về quyền tự do tôn giáo theo Hiến pháp năm 2013

2.1. Những ưu điểm của quy định về quyền tự do tôn giáo theo Hiến pháp năm 2013

So với các bản Hiến pháp trước đây, Hiến pháp năm 2013 đánh dấu một bước tiến vượt bậc trong việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Hiến pháp năm 2013 thể hiện ba điểm nhấn về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.¹⁴ Cụ thể:

Thứ nhất, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận trong nội dung Chương II của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Sự thay đổi này đánh dấu bước tiến lớn trong tư duy lập hiến. Trong các bản Hiến pháp trước đây, quyền tự do tôn giáo chủ yếu được xem như một quyền dân sự, thường được đặt trong các chương riêng về quyền và nghĩa vụ của công dân. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 2013 đã chính thức ghi nhận quyền này là một nội dung thuộc Chương II, nhấn mạnh đây không chỉ là quyền công dân mà còn là quyền con người phổ quát.

Việc đặt quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vào Chương II giúp khẳng định quyền này gắn liền với phẩm giá và tự do của mỗi cá nhân. Điều này không chỉ cho thấy sự mở rộng phạm vi áp dụng mà còn đặt quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong mối quan hệ mật thiết với các quyền con người khác, như quyền bình đẳng, quyền tự do ngôn luận, hay quyền tự do hội họp. Đặc biệt, điều này phù hợp với nguyên tắc “bất khả xâm phạm” của quyền con

¹⁴ Huỳnh Cẩm, “Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo qua các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Trang điện tử của Trường chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu*, 2023, <https://tct.baclieu.gov.vn/-/quyen-tu-do-tin-nguoi-ton-giao-qua-cac-ban-hien-phap-nuoc-cong-hoa-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam>, truy cập ngày 19/12/2024.

người, trong đó Nhà nước không chỉ có trách nhiệm bảo đảm mà còn phải tạo điều kiện để các quyền này được thực thi hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc đưa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vào Chương II cũng thể hiện cam kết mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam trong việc nội luật hóa các cam kết quốc tế, như đã đề cập ở trên.

Thứ hai, việc thay thế thuật ngữ “công dân” bằng “mọi người” không chỉ phản ánh sự thay đổi về mặt kỹ thuật lập pháp mà còn thể hiện tinh thần nhân văn và sự tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Điều này đảm bảo rằng không chỉ công dân Việt Nam mà cả người nước ngoài, người không có quốc tịch, và ngay cả những người đang thi hành án phạt tù cũng được hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo một cách công bằng. Sự thay đổi này phù hợp với nguyên tắc không phân biệt đối xử trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời thể hiện sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tín ngưỡng trong xã hội Việt Nam, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.¹⁵ Quy định này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi Việt Nam ngày càng thu hút nhiều người nước ngoài đến sinh sống, học tập và làm việc.

Thứ ba, Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Điểm mới này của Hiến pháp năm 2013 so với các bản Hiến pháp trước đó thể hiện qua việc không chỉ khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn nhấn mạnh nghĩa vụ của Nhà nước trong việc tạo điều kiện để quyền này được thực thi, thông qua việc ghi nhận quyền, bảo vệ quyền trước các hành vi xâm phạm và bảo đảm các điều kiện để quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện một cách hiệu quả.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và đáp ứng yêu cầu điều chỉnh pháp luật về tôn giáo trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền con người trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã chính thức thông qua Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo vào ngày 18/11/2016. Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tư duy và cách tiếp cận mới của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước đối với lĩnh vực tôn giáo. Điều này được thể hiện qua các khía cạnh nổi bật sau:

Một là, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016, với các quy định rõ ràng, minh bạch và dễ tiếp cận, đã mở rộng phạm vi áp dụng từ “công dân” sang “mọi người”, bao gồm cả người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam. Đặc biệt, Luật còn công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo, góp phần cụ thể hóa nguyên tắc không phân biệt đối xử về tôn giáo, phù hợp với

15 Trần Tuấn Vũ, “Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong pháp luật quốc tế và trong pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 14, 2017, tr. 88.

các điều ước quốc tế như ICCPR và Tuyên bố về Loại bỏ mọi hình thức bất khoan dung và phân biệt đối xử về tôn giáo hay tín ngưỡng năm 1981.

Hai là, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016 khẳng định rõ ràng tư cách pháp nhân phi thương mại của các tổ chức tôn giáo. Điều này đồng nghĩa với việc các tổ chức tôn giáo được công nhận quyền sở hữu tài sản, tham gia vào các hoạt động kinh tế phi thương mại, và được bảo đảm các quyền lợi pháp lý tương ứng. Việc khẳng định tư cách pháp nhân phi thương mại cho phép các tổ chức tôn giáo tham gia một cách chính thức và hợp pháp vào các hoạt động xã hội, văn hóa và từ thiện, đồng thời tạo cơ hội khai thác các nguồn lực tôn giáo để phục vụ cộng đồng. Luật cũng thể hiện quan điểm hiện đại, tiến bộ khi công nhận rằng tôn giáo không chỉ là một khía cạnh tinh thần mà còn đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy sự gắn kết xã hội, nâng cao đời sống văn hóa và đạo đức của cộng đồng.¹⁶ Sự thay đổi này mang ý nghĩa lớn trong thực tiễn quản lý nhà nước, khi xem tôn giáo như một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển quốc gia.

Ba là, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã dành một điều tại Chương 2 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Luật khẳng định “Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo”.¹⁷ Về nguyên tắc, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có những quyền về tín ngưỡng, tôn giáo như công dân Việt Nam. Cụ thể, “người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền: sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam”.¹⁸ Đối với “chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam”.¹⁹

Bốn là, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 cũng đã bước đầu cụ thể hóa khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 trong các quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động tôn giáo dành cho cả tổ chức tôn giáo, cá nhân, cơ quan nhà nước. Các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 5 và tùy từng trường hợp, khi vi phạm các điều cấm này, tổ chức, cá nhân sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

16 Khoản 1 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

17 Khoản 1 Điều 8 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

18 Khoản 2 Điều 8 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

19 Khoản 3 Điều 8 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

2.2. Những hạn chế của quy định về quyền tự tôn giáo theo pháp luật Việt Nam

Pháp luật hiện hành nhấn mạnh sự tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng chưa có quy định đầy đủ về trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động bình đẳng.

Theo Điều 3 và Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, việc quản lý nhà nước đối với tôn giáo cần tuân theo nguyên tắc: bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng không để tôn giáo bị lợi dụng để xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền con người; bình đẳng giữa các tổ chức tôn giáo trước pháp luật; tôn trọng sự độc lập trong hoạt động nội bộ của các tổ chức tôn giáo, nhưng các hoạt động này phải phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, Nhà nước có vai trò bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng nhưng không trực tiếp can thiệp vào các hoạt động nội bộ của tôn giáo. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hiện hành lại chưa làm rõ các biện pháp mà Nhà nước cần triển khai để hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động trong thực tiễn, như hỗ trợ về tài chính, cơ sở vật chất, hoặc đảm bảo quyền tiếp cận công bằng đối với các nguồn lực và cơ hội phát triển. Điều này có thể làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện quy định về quyền tự do tôn giáo trong Hiến pháp năm 2013 tại Việt Nam

Hiến pháp năm 2013 và các văn bản pháp luật chuyên ngành quy định về quyền tự do tôn giáo cần được bổ sung theo hướng sau:

Thứ nhất, xác định rõ ràng nội hàm của quyền tự do tôn giáo được ghi nhận trong Hiến pháp, làm cơ sở để xây dựng các quy định chi tiết trong luật chuyên ngành.

Hiến pháp năm 2013 là đạo luật cơ bản của Nhà nước, đạo luật gốc đặt ra những quy định có tính chất nền tảng của chế độ Nhà nước, chế độ xã hội, tổ chức bộ máy nhà nước, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, đồng thời là cơ sở pháp lý rất quan trọng để xác định toàn bộ hệ thống pháp luật nước ta. Việc chi tiết, cụ thể hóa Hiến pháp bằng các văn bản pháp luật khác phải được thực hiện trên cơ sở Hiến pháp và phải đảm bảo điều kiện là tất cả các văn bản pháp luật đó không được trái với Hiến pháp. Bên cạnh đó, pháp luật về tôn giáo có mối quan hệ chặt chẽ với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật nước ta; do vậy, việc hoàn thiện pháp luật về tôn giáo phải được tiến hành trên cơ sở hoàn thiện một cách đồng bộ và có hệ thống các ngành luật khác có liên quan.

Thứ hai, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 cần quy định rõ hơn về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc hỗ trợ các tổ chức tôn giáo, không chỉ dừng lại ở việc công nhận quyền mà còn phải có cơ chế cụ thể để thực thi quyền này. Điều này có thể được thể hiện thông qua việc xác định rõ từng cấp, từng ngành có trách nhiệm gì đối với hoạt động tôn giáo.

Trong quá trình phổ biến về đường lối, chủ trương của Đảng và hoàn thiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, cần làm rõ trách nhiệm phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý và hỗ trợ tôn giáo. Nếu có một cơ chế phối hợp rõ ràng, trong đó xác định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đồng thời có chế tài xử lý trường hợp cơ quan nhà nước gây khó khăn hoặc không thực hiện đúng trách nhiệm của mình, thì quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mới thực sự được đảm bảo một cách bình đẳng.

Bên cạnh đó, việc quản lý tôn giáo cần được định hướng theo nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động hợp pháp; các thủ tục hành chính và quản lý minh bạch, rõ ràng, thấu đáo quan điểm của Đảng, Nhà nước và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Điều này sẽ giúp cân bằng giữa việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo và việc duy trì trật tự, an ninh trong xã hội. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2022 [trans: Government Committee for Religious Affairs, *Religion and Religious Policy in Vietnam*, Religion Publishing House, Hanoi, 2022]
- [2] Ban Tuyên giáo Trung ương, *Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2017 [trans: Central Propaganda Committee, *Religious Issues and Religious Policies*, National Political and Truth Publishing House, 2017]
- [3] Huỳnh Cẩm, “Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo qua các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, *Trang điện tử của Trường chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu*, 2023 [trans: Huỳnh Cẩm, “Freedom of Belief and Religion Through the Constitutions of the Socialist Republic of Vietnam”, *Website of Chau Van Dang Political School, Bac Lieu province*, 2023]
- [4] Delcher Émillie, “European Union – Asean security and human rights cooperation in the face of recent geopolitical upheavals”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 12(3), 2024, <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0019>
- [5] Vũ Công Giao, Lê Thị Thúy Hương, “Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo luật nhân quyền quốc tế và trong pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, 2016 [trans: Vu Cong Giao, Le Thi Thuy Huong, “The right to freedom of belief and religion under international human rights law and in Vietnamese law”, *State Organization Review*, 2016]
- [6] Nguyễn Ngọc Hồi, “Bảo đảm và thúc đẩy quyền con người là chủ trương nhất quán của Việt Nam”, *Tạp chí Quốc phòng Toàn dân*, 2023 [trans: Nguyen Ngoc Hoi, “Ensuring and promoting human rights is a consistent policy of Vietnam”, *All-People's National Defense Journal*, 2023]
- [7] Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2016 [trans: School of Law, Vietnam National University, Hanoi, *Scientific Commentary on the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam 2013*, National Political Publishing House, 2016]
- [8] Le Trung Son and Nguyen Xuan Quang, “Fault is not a condition for determination of liability for non-contractual damage – A development in human rights protection in Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Sciendo, Vol. 8(01), 2023, <https://doi.org/10.2478/vjls-2023-0005>
- [9] Trần Tuấn Vũ, “Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong pháp luật quốc tế và trong pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 14, 2017 [trans: Tran Tuan Vu, “The right to freedom of belief and religion in international law and in Vietnam's law on belief and religion”, *Vietnamese Journal of Legal Science*, No. 14, 2017]